

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/DS-ST  
Ngày: 18-3-2019  
V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Thanh Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Tài
2. Ông Dương Văn Hai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978,

Địa chỉ: 110/1 ấp GT, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1991,

Địa chỉ: 56/1 ấp GT, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trần Văn C, sinh năm 1978,

Địa chỉ: 56/1 ấp GT, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Anh Lâm Văn P, sinh năm 1972,

Địa chỉ: 110/1 ấp GT, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

(Anh P ủy quyền cho chị T tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 07 tháng 01 năm 2019).

(Tất cả cùng có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 03-12-2018 và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn đồng thời được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Văn P ủy quyền chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào ngày 29/6/2018 (âm lịch) chị Huỳnh Thị H và anh Trần Văn C vay của chị số tiền 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vàng 9999 để lo kinh tế gia đình, khi vay hứa trong vòng một tháng trả tiền, vàng cho chị, việc cho vay không có lãi và thể hiện ở biên nhận đề ngày 29/6/2018 do chị H viết. Hết thời hạn một tháng chị có yêu cầu vợ chồng chị H và anh C trả tiền nhưng không trả.

Số tiền, vàng chị cho vợ chồng chị H, anh C vay là tài sản chung của vợ chồng chị, chồng chị là anh Lâm Văn P có chung yêu cầu với chị.

Chị không đồng ý với lời trình bày của H về việc chị cho chị H vay lấy lãi.

Tại tòa chị yêu cầu chị H và anh C có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng chị số tiền 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vàng 9999, chị yêu cầu trả một lần và không yêu cầu tính lãi.

Chị thống nhất giá vàng 24k loại vàng 9999 tại thời điểm xét xử là 3.600.000 đồng/chỉ làm căn cứ đóng án phí.

*Theo tờ tự khai ngày 17-12-2018 và trong quá trình tố tụng tại tòa bị đơn Huỳnh Thị H trình bày:*

Chị có vay của chị T nhiều lần nhưng đến ngày 25/11/2014 chốt lại số vàng là 05 chỉ vàng 24k vàng 9999, lúc đó chị có đóng lãi cho chị T 750.000 đồng mỗi tháng.

Vào ngày 25/5/2015 chị có hỏi chị T 37 chân hụi ngày (hụi góp) với số tiền là 16.280.000 đồng, chị phải đóng 50 ngày với số tiền là 18.500.000 đồng, sau khi nhận tiền hụi chị không có khả năng đóng hụi nên chị T và chị thỏa thuận chuyển thành tiền vay và chị đóng lãi hàng tháng với lãi suất 5%/tháng, mỗi tháng chị đóng lãi 900.000 đồng.

Vào ngày 25/12/2015 chị T cho chị vay thêm 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, mỗi tháng chị đóng 500.000 đồng.

Vào ngày 08/02/2016 chị vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, mỗi tháng đóng lãi 500.000 đồng.

Vào ngày 10/6/2016 chị T đưa cho chị 7.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, mỗi tháng đóng lãi 350.000 đồng. Số tiền này thực chất chị T trừ vào số tiền lãi chị còn thiếu trước đó.

Sau khi vay tiền của chị T có tháng chị có khả năng đóng lãi, nếu tháng nào chị không có khả năng đóng lãi thì chị T cộng số tiền lãi vào số tiền nợ gốc.

Đến ngày nào chị không nhớ chị T yêu cầu chị cộng dồn số tiền lãi vào số tiền gốc, tổng cộng số tiền là 65.000.000 đồng, hàng tháng đóng 3.000.000 đồng tiền lãi và 05 chỉ vàng 24k vàng 9999 hàng tháng đóng 700.000 đồng tiền lãi, sau khi viết biên nhận chị không có khả năng đóng lãi nên đến ngày 29/6/2018 chị T yêu cầu chị viết biên nhận là chị mượn Út Thắng số tiền 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k

vàng 9999. Biên nhận chị T cung cấp cho tòa là do chị ghi và ký tên, chị T ở địa phương thường gọi là Út Thắng.

Chị vay tiền, vàng là để vợ chồng đầu tư nuôi tôm, sửa ghe nên số nợ này là nợ chung của hai vợ chồng chị.

Sau khi viết biên nhận ngày 29/6/2018 chị có trả cho chị T được 900.000 đồng.

Do việc nuôi tôm bị lỗ, đi ghe nhưng không mang lại lợi nhuận nên chị không có tiền, vàng trả cho chị T, vợ chồng chị có gặp chị T để xin chị T cho từ từ đóng tiền lãi nhưng chị T không đồng ý.

Những lần chị đóng tiền lãi hay khi ghi biên nhận nợ bao gồm cả việc cộng dồn tiền lãi chị đều không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên chị không yêu cầu tòa xem xét. Tại tòa do hoàn cảnh của vợ chồng chị hiện khó khăn nên đề nghị chị T cho vợ chồng chị được trả hàng tháng số tiền nợ gốc và vàng, đối với số tiền lãi thì xin chị T cho vợ chồng chị. Nếu chị T không đồng ý thì vợ chồng chị đồng ý liên đới trả cho chị T số tiền 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vàng 9999 và xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vàng 9999.

Chị thống nhất giá vàng 24k loại vàng 9999 tại thời điểm xét xử là 3.600.000 đồng/chỉ làm căn cứ đóng án phí.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn C trình bày:* anh có chung lời trình bày với vợ anh là chị Huỳnh Thị H. Tại tòa do hoàn cảnh của vợ chồng anh hiện khó khăn nên đề nghị chị T cho vợ chồng anh được trả hàng tháng số tiền nợ gốc và vàng, đối với số tiền lãi thì xin chị T cho vợ chồng anh. Nếu chị T không đồng ý thì vợ chồng anh đồng ý liên đới trả cho chị T số tiền 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vàng 9999 và xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vàng 9999.

Anh thống nhất giá vàng 24k loại vàng 9999 tại thời điểm xét xử là 3.600.000 đồng/chỉ làm căn cứ đóng án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn Nguyễn Thị T yêu cầu bị đơn Huỳnh Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn C trả tiền vay nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; quá trình khởi kiện nguyên đơn Nguyễn Thị T cung cấp giấy xác nhận hộ khẩu được công an xã GT xác nhận ngày 03/12/2018 theo đó bị đơn Huỳnh Thị H có nơi cư trú tại 56/1 ấp GT, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày vào ngày 29/6/2018 (âm lịch) chị Huỳnh Thị H và anh Trần Văn C vay của chị số tiền

88.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vàng 9999. Bị đơn Huỳnh Thị H trình bày việc vay tiền, vàng từ năm 2014, 2015, 2016 nhưng không được nguyên đơn Nguyễn Thị T thừa nhận, chị H cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Như vậy lúc các bên thực hiện hợp đồng vay tài sản thì Bộ luật dân sự 2015 đã có hiệu lực nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[4] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày vào ngày 29/6/2018 (âm lịch) chị Huỳnh Thị H và anh Trần Văn C vay của chị số tiền 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vàng 9999, việc cho vay thể hiện ở biên nhận nợ do chị H viết và ký tên. Bị đơn Huỳnh Thị H không thống nhất việc chị vay tiền, vàng vào năm 2018 mà cho rằng việc vay tiền, vàng nhiều lần kéo dài từ năm 2014 đến 2016 nhưng thừa nhận biên nhận nợ do chị T cung cấp có nội dung vào ngày 29/6/2018 (âm lịch) chị có vay của chị T số tiền 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vàng 9999 là do chị viết và ký tên. Mặc dù chị H cho rằng số tiền 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vàng 9999 là bao gồm cả tiền lãi nhưng chị H không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày này. Như vậy, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn Nguyễn Thị T có hợp đồng vay tài sản với bị đơn Huỳnh Thị H, hợp đồng vay tài sản được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Chị T yêu cầu chị H và anh C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị và anh Lâm Văn P số tiền 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vàng 9999, yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị T và bị đơn Huỳnh Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn C thống nhất số tiền, vàng chị H và anh C còn nợ chị T là 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 và đồng ý liên đới trả cho chị T số tiền, vàng trên nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy, khi thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa chị T và chị H có thỏa thuận thời hạn trả tiền nhưng chị H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận dẫn đến vi phạm hợp đồng; việc chị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T, yêu cầu trả dần của chị H, anh C tại tòa cũng không được chị T chấp nhận, các bên đều thống nhất số nợ là 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vàng 999 nên yêu cầu của chị T là có căn cứ phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị T, buộc chị Huỳnh Thị H và anh Trần Văn C có trách nhiệm liên đới trả một lần cho chị T và anh P số tiền 82.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vàng 9999.

[6] Chị T trình bày sau khi vay tiền, vàng chị H có hứa sau một tháng trả tiền, vàng nhưng đến nay chưa trả. Tuy nhiên, chị T không yêu cầu chị H, anh C trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Chị H trình bày quá trình vay tiền, vàng chị có đóng lãi cho chị T với lãi suất cao và biên nhận nợ với số tiền 82.000.000 đồng là có tiền nợ gốc và nợ lãi nhưng chị T không thừa nhận, chị H cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh

và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Các đương sự thống nhất giá vàng 24k loại vàng 9999 tại thời điểm xét xử là 3.600.000 đồng/chỉ làm căn cứ đóng án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Do yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị T được chấp nhận nên bị đơn Huỳnh Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 469, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm d Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T. Buộc chị Huỳnh Thị H và anh Trần Văn C có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Văn P số tiền 82.000.000 (tám mươi hai triệu) đồng và 05 (năm) chỉ vàng 24k vàng 9999.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị H và anh Trần Văn C có trách nhiệm liên đới nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Chị Nguyễn Thị T được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.487.500 đồng theo biên lai thu số 0021505 ngày 06 tháng 12 năm 2018.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Cao Thanh Minh**